

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Lê Thanh Nam.

**Các Hội thẩm nhân dân:** ông Vũ Đình Mạnh và ông Vũ Đăng Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1996; HKTT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1996. HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:**

Chị và anh Bùi Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 18/7/2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 2 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không đi làm, mải chơi, không có trách nhiệm với vợ con. Anh Đ còn thường xuyên đánh mắng chị, có lần anh Đ đánh chị phải nhập viện để điều trị vết thương. Chị cũng đã nhẫn nhịn chịu đựng, khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Đầu năm 2021, chị và các con đã về sống cùng bố

mẹ đẻ chị tại xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có ba con chung: Bùi Trung H, sinh ngày 22/5/2016; Bùi Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/12/2017 và Bùi Minh Q, sinh ngày 08/3/2020, hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng cả 3 con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn - anh Bùi Văn Đ:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh Đ đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đ trình bày: về điều kiện, thời gian kết hôn, diễn biến quá trình chung sống như chị Vân A trình bày là đúng. Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị Vân A bỏ về nhà mẹ đẻ sống được hơn 1 năm nay, vợ chồng ly thân từ đó, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Vân A xin ly hôn, anh nhất trí nhưng đề nghị Tòa án đợi một vài năm nữa hãy giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung như chị Vân A trình bày. Các con chung do chị Vân A nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Do anh không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên anh không muốn nuôi con. Chị Vân A có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ; được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc thụ lý đơn, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A: cho chị Nguyễn Thị

Vân A ly hôn anh Bùi Văn Đ. Giao cho chị Nguyễn Thị Vân A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Trung H, Bùi Ngọc Bảo T và Bùi Minh Q kể từ tháng 04/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vân A, anh Đ không đề nghị giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết. Chị Vân A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Đ đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị Vân A đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh Đ tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2016, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh Đ và chị Vân A là hợp pháp.

Do mâu thuẫn, chị Vân A và anh Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2021 (chị Vân A và các con về sống cùng bố mẹ đẻ chị tại xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên), vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bản thân anh Đ cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, kể từ khi ly thân, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Bùi Văn T - bố đẻ anh Đ, bà Bùi Thị L - mẹ đẻ chị Vân A; xác minh đối với Phó Trưởng thôn N; Chủ tịch Hội Phụ nữ xã T - nơi anh Đ, chị Vân A sinh sống trước khi ly thân, tất cả đều xác định: anh Đ, chị Vân A trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... như vậy,

việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ đầu năm 2021 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Vân A ly hôn anh Đ.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 22/5/2016; Bùi Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/12/2017 và Bùi Minh Q, sinh ngày 08/3/2020. Cả 03 con chung hiện do chị Vân A nuôi dưỡng, chị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Vân A hiện đang làm việc cho Công ty TNHH việc làm T, có thu nhập ổn định khoảng 12.000.000 đồng/tháng, nơi ở rộng rãi, có mẹ đẻ là bà Bùi Thị L giúp đỡ trong việc chăm sóc các con, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh Đ không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có biểu hiện nghiện ma túy, không chăm lo và không có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 22/5/2016; Bùi Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/12/2017 và Bùi Minh Q, sinh ngày 08/3/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Vân A, anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vân A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân A ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Vân A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Bùi Trung H, sinh ngày 22/5/2016; Bùi Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/12/2017 và Bùi Minh Q, sinh ngày

08/3/2020 (hiện đang ở cùng chị Vân A), kể từ khi ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu anh Bùi Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Vân A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2020/0003763 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, chị Vân A đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lê Thanh Nam**